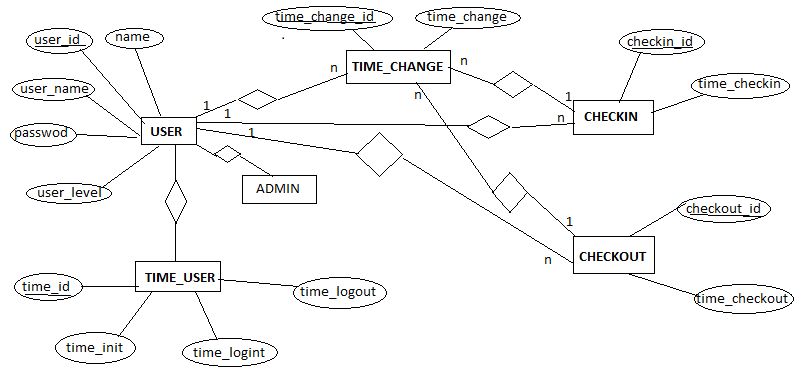
**Quản lý thời gian làm việc**

1. **Phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu**
2. Sơ đồ thực thể liên kết



1. Sơ đồ quan hệ

USER(user\_id,user\_name,password,name,user\_level)

CHECKIN(checkin\_id,time\_checkin,user\_id)

CHECKOUT(checkout\_id,time\_checkout,user\_id)

TIME\_CHANGE(time\_change\_id,time\_change,user\_id,checkin\_id,checkout\_id)

TIME\_USER(time\_id,time\_init,time\_logout,time\_login,user\_id)

1. Phân tích

* USER

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** | **Phân tích** |
| User\_id | int | khóa chính |
| User\_name | Varchar[30] | tên đăng nhập của người dùng. |
| Password | Varchar[30] | mật khẩu đăng nhập. |
| Name | Varchar[30] | tên của người dùng |
| User\_level | int | mức độ sử dụng ,quyền hạn sử dụng hệ thống : user\_level =0 quyền user . user\_level= 1 quyền admin |

* TIME\_USER

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** | **Phân tích** |
| Time\_id | int | Khóa chính |
| Time\_ịnit | datetime | Thời gian khởi tạo tài khoản |
| Time\_login | datemtime | Thời gian đăng nhập tài khoản |
| Time\_logout | datetime | Thời gian đăng xuất tài khoản |
| User\_id | int | Khóa ngoài tham chiếu đến bảng USER |

* CHECCKIN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** | **Phân tích** |
| Checkin\_id | int | khóa chính |
| Time\_checkin | date | thời gian lúc người dùng checkin |
| User\_id | int | khóa ngoài tham chiếu đến bảng USER |

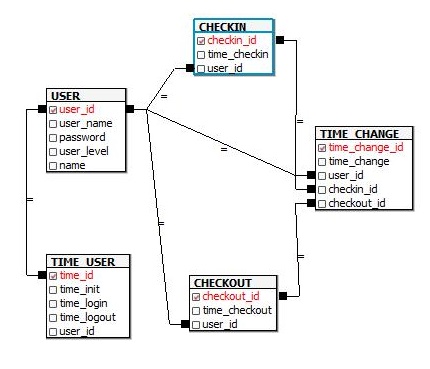
* CHECKOUT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** | **Phân tich** |
| Checkout\_id | int | khóa chính |
| Time\_checkout | Datetime | thời gian lúc người dùng checkout |
| User\_id | int | khóa ngoài tham chiếu đến bảng USER |

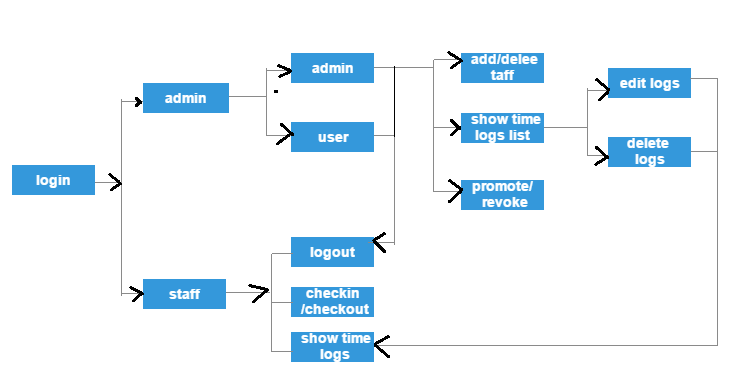
* TIME\_CHANGE

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Kiểu dư liệu** | **phân tích** |
| Time\_change\_id | int | Khóa chính |
| User\_id | int | Khóa ngoài tham chiếu đến bang user |
| Checkin\_id | int | Khóa ngoài tham chiếu đến bảng checkin |
| Checkout\_id | int | Khóa ngoài tham chiếu đến bảng checkout |
| Time\_change | datetime | Thời gian admin thay đổi,chỉnh sửa thời gian của staff |

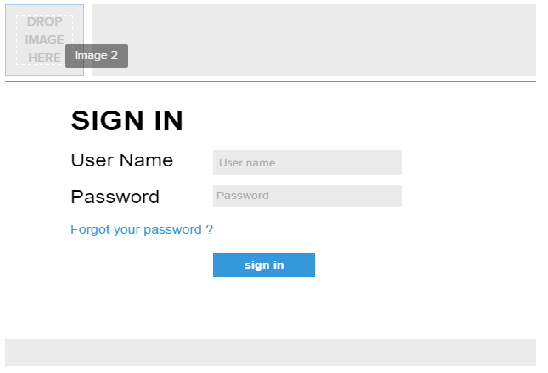
1. Cấu trúc quan hệ



1. **Transition**

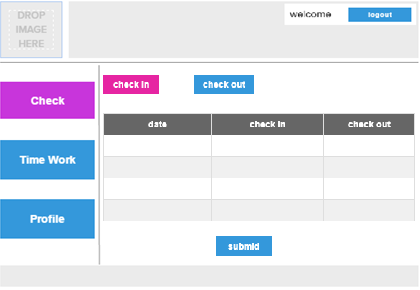
****

1. **Wireframe**
2. Màn hình đăng nhập

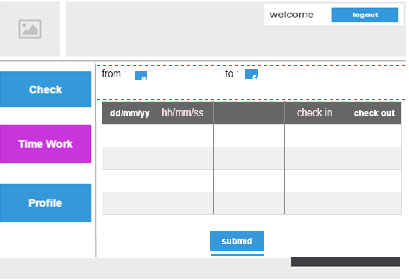


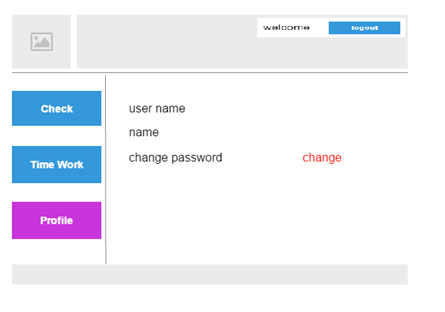
1. Màn hình đăng nhập dưới quyền người dùng

* Màn hình check xác nhận để check in hay check out



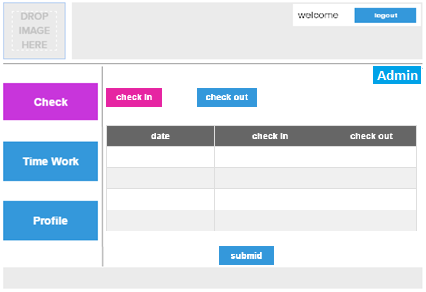
* Màn hình time work để xuất ra thời gian làm việc ,check in check out của người dùng trong 1 khoảng thời gian đã lựa chọn



* Màn hình profile để xem thông tin cá nhân . thay đổi password đăng nhập của mình.

1. Màn hình dưới quyền Amin

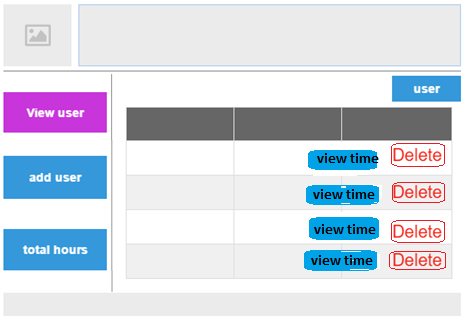
* Màn hình quyền admin sử dụng các chức năng user
* Màn hình khi đăng nhập dưới quyền admin. Mặc định sẽ chuyển đến màn hình như những người với quyền user. Và thực hiện các chức năng như đối với người dùng quyền user.
* Khi muốn chuyển qua màn hình admin ta click vào nut admin .



* Màn hình admin sử dụng quyền admin

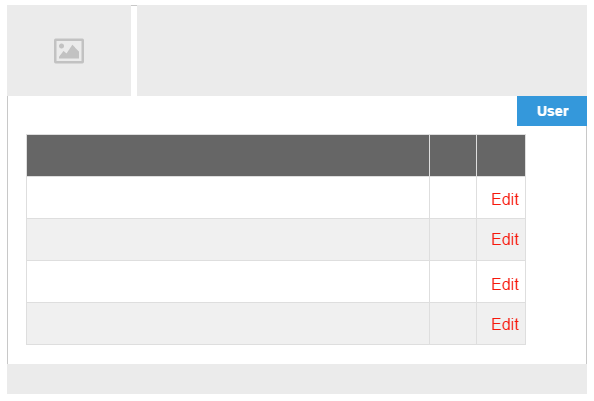
Sau khi click vào admin đưa người dùng đến quyền admin với các quyền sau :

* Màn hình xem thông tin người dùng :xóa người dùng, xem thông tin thời gian làm việc của người dùng.

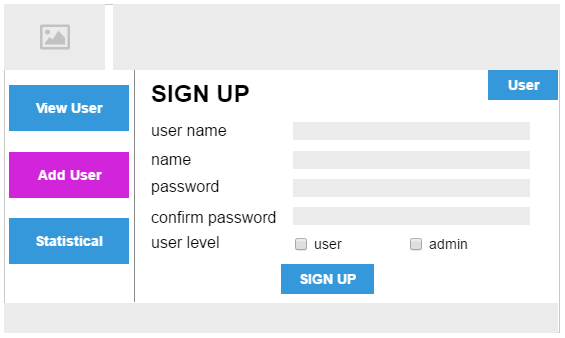


* Khi click vào view time sẽ chuyển đến màn hình :

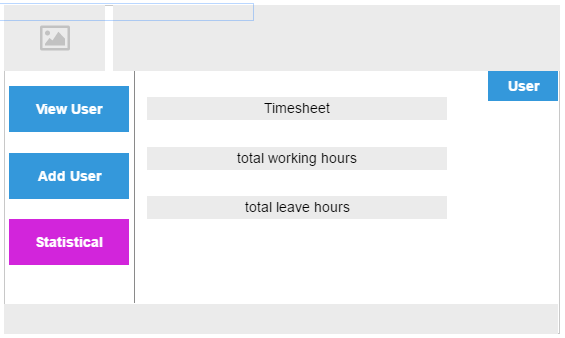
Xem thông tin thời gian làm việc và có thể chỉnh sửa thông tin từng ngày ,chỉnh sửa check in, check out từng ngày.



* Màn hình thêm người dùng



* Màn hình thống kê



1. **WBS**

